

Bản án số: 45/2021/HS-ST

Ngày: 22-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hải.

Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Êm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 49/2021/TLST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T, sinh năm 1964, tại An Giang. Nơi cư trú: Ấp T B, xã T A, huyện N, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông X và bà Y (đều đã chết); có chồng và 03 con; tiền án: Chưa có; tiền sự: 01 lần (Quyết định Xử phạt vi phạm hành chính số 0000208/QĐ-XPVPHC ngày 29 tháng 01 năm 2021, Công an huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, phạt tiền 3.500.000 đồng, về hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản người khác, chưa nộp phạt); bị bắt, tạm giam: Không; có mặt.

- Bị hại: Phạm Tấn Đ, năm sinh 1963, nơi cư trú: Ấp T B, xã T A, huyện N, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt. Người đại diện hợp pháp cho ông Đ theo ủy quyền là anh Phạm Duy T, sinh năm 1982, nơi cư trú: Ấp T B, xã T A, huyện N, tỉnh Đồng Tháp; Văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 9 năm 2021; có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Phạm Duy T, Huỳnh Bảo M, Huỳnh Thị Mỹ N, Huỳnh Thị Mỹ T1 (có mặt); Võ Văn N1, Trần Thanh H, Phạm Văn Y, Phạm Minh T2, Phạm Văn N2 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các ông Phạm Duy N3, Phạm Minh K, Phạm Tấn Đ tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất với ông Huỳnh Bảo P là chồng của bị cáo Nguyễn Thị T. Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự xét xử sơ thẩm tại Bản án dân sự số 40/2018/DSST ngày 20 tháng 11 năm 2018, chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn. Ông P không chấp nhận nên kháng cáo lên cấp phúc thẩm. Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phúc thẩm tại Bản án dân sự số 215/2019/DS-PT ngày 11 tháng 7 năm 2019, không chấp nhận kháng cáo của ông P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ngày 03 tháng 9 năm 2019, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự (Sau đây viết tắt là Chi cục THA) nhận Đơn yêu cầu thi hành án của ông K, ông Đ và đã ban hành Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 725/QĐ-CCTHADS ngày 05 tháng 9 năm 2019, tiến hành cấp tổng đạt các thủ tục thi hành án, ấn định thời gian tự nguyện thi hành án nhưng hộ ông P không nhận các thủ tục và cũng không tự nguyện thi hành án. Do đó, Chi cục THA ra Quyết định số 02/QĐ-CCTHADS ngày 01 tháng 11 năm 2019 và Kế hoạch số 367 ngày 11 tháng 11 năm 2019 về cưỡng chế thi hành án đối với hộ ông P.

Sau nhiều lần tiến hành cưỡng chế, ngày 23 tháng 6 năm 2020, Hội đồng cưỡng chế đã lập biên bản giao nhận ranh đất, xuống trụ đá cho người được thi hành án, nhưng đến 19 giờ 15 phút cùng ngày, bà T đã đập gãy 04 cây trụ đá ranh thành nhiều khúc, xô ngã hàng rào lưới B40, lấp lại lối đi.

Ông Đ làm đơn tố giác hành vi của bà T. Cơ quan điều tra tiến hành thủ tục định giá tài sản bị thiệt hại có kết luận 04 cây trụ nóng đá bị gãy trị giá 260.000 đồng. Xét thấy tài sản thiệt hại chưa đủ định lượng truy cứu trách nhiệm hình sự nên ngày 29 tháng 01 năm 2021, Công an huyện Hồng Ngự ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bà T số tiền 3.500.000 đồng và buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu về hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản. Bà T không nhận quyết định và cũng không chấp hành quyết định xử phạt.

Khoảng 10 giờ ngày 26 tháng 3 năm 2021, gia đình ông Đ xây dựng hàng rào bằng trụ đá và lưới B40 theo hiện trạng mà thi hành án đã giao. Trong khi phía ông Đ xây dựng, bà T cùng con gái là Huỳnh Bảo M có hành vi cản trở, dùng vòi nước xịt vào bê tông chân trụ đá, dùng búa đập gãy hai trụ đá và dùng kiềm cắt

đứt 03 đoạn lưới B40. Xét thấy, có dấu hiệu tội phạm nên Công an xã T A chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện để giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) đoạn trụ đá dài 02m x 10cm vuông bị gãy thành 06 đoạn; 01 (một) trụ đá dài 01m x 10cm vuông bị gãy 01 đoạn; 01 (một) miếng lưới B40 chiều dài 11,20m, rộng 1,5m bị cắt đứt thành 03 đoạn; 01 (một) ống nhựa đường kính 02cm, dài 3,95m; 01 (một) cái len bằng kim loại dài 0,97 mét; 01 (một) cây kiềm bằng kim loại dài 0,19m cán có ốp nhựa màu xanh T có chữ BERRYLION; 01 (một) cây búa có chiều dài 38cm cán búa bằng gỗ tròn đường kính 04cm lưỡi búa bằng kim loại dài 13cm nơi rộng nhất lưỡi búa là 08cm. Trụ đá và lưới B40 Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho ông Đ là chủ sở hữu.

Tại Kết luận định giá tài sản số 16/KLHĐĐGTS-TTHS, ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện N đã kết luận: Trụ đá 10cm vuông, dài 02 mét, đã gãy thành 06 đoạn, trị giá 75.000 đồng; trụ đá 10cm vuông, dài 01 mét, gãy 01 đoạn, trị giá 35.000 đồng; Lưới B40 bằng kim loại có tổng chiều dài 11,20 mét, rộng 1,50 mét, bị cắt thành 03 đoạn, giá trị khôi phục tình trạng như ban đầu 50.000 đồng; 02 bao xi măng HOLCIM, trị giá 180.000 đồng; 01 xe cát, trị giá 160.000 đồng; 01 xe đá 1 x 2, trị giá 300.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 800.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T và bị hại Đ thỏa thuận bồi thường thiệt hại 1.060.000 đồng và khôi phục lại tình trạng ban đầu, đã thực hiện xong

Tại Cáo trạng truy tố số 45/CT-VKSHN ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 178, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là BLHS), xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 03 đến 04 tháng tù, về “Tội cố ý làm hư hỏng tài sản”. Vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy các vật chứng còn lại. Về dân sự, đã giải quyết xong nên không đề cập đến.

Bị cáo T thống nhất đề nghị của Kiểm sát viên không có tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện bị hại không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá

trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị T khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, chứng minh được:

[3] Bị cáo T là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản người khác chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính theo Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính, tiếp tục thực hiện hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản là hàng rào trị giá 800.000đ của bị hại Đ. Do đó, hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành “Tội cố ý làm hư hỏng tài sản”.

[4] Khoản 1 Điều 178 của BLHS, quy định: *“Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này mà còn vi phạm; ...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm...”

[5] Như vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo T là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[6] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

[7] Bị cáo nhận thức được hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Tài sản của cá nhân, tổ chức được pháp luật tôn trọng, bảo vệ, không ai được quyền xâm phạm trái pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Khi bị xử phạt vi phạm hành chính, bị cáo không nhận quyết định và cũng không thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; khi Cơ quan điều tra khởi tố bị can, triệu tập, bị cáo nhiều lần không ký nhận và cũng không đến để cơ quan điều tra làm việc, phải đến lần thứ tư mới chấp hành. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương

xứng, cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung.

[8] Về nhân T: Bị cáo chưa từng có tiền án, tiền sự.

[9] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[10] Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ là đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có cha, mẹ chồng được nhà nước tặng thưởng huân chương, huy chương trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước. Do đó, áp dụng điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên căn cứ Điều 54 BLHS để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

[11] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo đã hết tuổi lao động, không có thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung

[12] Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu nên không xem xét.

[13] Về vật chứng: Phần vật chứng đã xử lý xong, đúng quy định. Các vật chứng còn lại Viện kiểm sát đề nghị tịch thu tiêu hủy là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[14] Về án phí: Bị cáo là người cao tuổi nên xem xét cho miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 178, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị T phạm “Tội cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) ống nhựa đường kính 02cm, dài 3,95 mét, 01 (một) cái len bằng kim loại dài 0,97 mét, 01 (một) cây kiếm bằng kim loại dài 0,19 mét, cán có ốp nhựa màu xanh T có chữ BERRYLION, 01 (một) cây búa có chiều dài 38cm, cán búa bằng gỗ tròn, đường kính 04cm, lưỡi búa bằng kim loại dài 13cm, nơi rộng nhất lưỡi búa 08cm. Vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28 tháng 7 năm 2021.

3. Về án phí, căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Thị T được miễn nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/9/2021).

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú